

CHÍNH TRỊ HOÁ VẤN ĐỀ NĂNG LƯỢNG TRONG QUAN HỆ QUỐC TẾ

TS. Ngô Duy Ngo
Học viện Quan hệ Quốc tế

Trong bối cảnh nền kinh tế phát triển với tốc độ cao, ổn định, sự mất cân đối giữa cung cầu về năng lượng đã đẩy giá dầu mỏ trong những ngày đầu năm 2008 chạm ngưỡng 100 USD/thùng, mức cao nhất từ trước tới nay. Sự biến động giá cả các loại năng lượng không chỉ ảnh hưởng tiêu cực đến tình chính trị, xã hội ở nhiều quốc gia, mà còn làm cho các mối quan hệ song phương và đa phương trở nên phức tạp, khó lường. Thực tế cho thấy, nguồn năng lượng rất đa dạng, bao gồm dầu mỏ, khí đốt, than đá và điện năng (thủy điện, điện hạt nhân, nhiệt điện, địa nhiệt, điện mặt trời, năng lượng gió) nhưng chỉ có dầu mỏ và khí đốt chiếm một tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tiêu dùng năng lượng thế giới, do vậy bài viết sẽ tập trung phân tích vai trò của hai nguồn năng lượng nói trên trong mối liên hệ chặt chẽ với các vấn đề chính trị quốc tế.

1. Nhu cầu của thế giới đối với năng lượng

Cùng với sự phát triển của kinh tế thế giới, nhu cầu đối với dầu mỏ và khí đốt ngày càng lớn trong khi các nguồn năng lượng tái sinh, hạt nhân vẫn chỉ chiếm một tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu sản xuất cũng như tiêu dùng. Nếu năm 1980 toàn bộ thế

giới tiêu thụ dầu mỏ là 63,1 triệu thùng/ngày và năm 1990 - 66,5 triệu thùng, thì năm 2000 là 76,6 triệu thùng, năm 2002 - 78,1 triệu, năm 2003 - 79,5 triệu thùng, năm 2004 - 82,3 và năm 2006 - 84 triệu thùng dầu/ngày¹. Với mức tăng trưởng kinh tế như hiện nay, đến năm 2030 mức tiêu dùng sẽ đạt 116 triệu thùng/ngày, tăng khoảng 37%² so với năm 2006. Trong khi đó mức tiêu dùng khí đốt tăng 2,3% năm từ 2.442 tỷ m³ năm 2000 lên 4.831 tỷ m³ năm 2030. Các nước mới nổi ở châu Á và các nước có nền kinh tế chuyển đổi ở Đông Âu chiếm khoảng 63% mức gia tăng nói trên³. Những số liệu nói trên cho thấy cho đến nay thế giới vẫn phụ thuộc vào các nguồn năng lượng hóa thạch, trước hết là dầu mỏ, chiếm 39% trong cơ cấu năng lượng của thế giới, và khí tự nhiên. Nếu xét theo trình độ phát triển kinh tế, các nước đang phát triển có tốc độ tăng GDP cao, ổn định chiếm khoảng 74% mức gia tăng tiêu dùng về dầu mỏ và khí đốt, các nước OECD - 20%, các nước có nền kinh tế chuyển đổi 6%⁴.

¹ *International Energy Annual 2005. Energy Information Administration; World Energy Outlook 2007.*

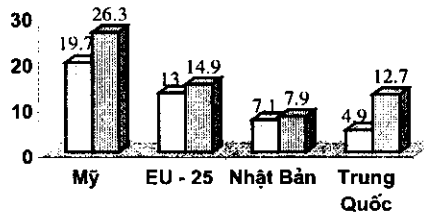
² *World Energy Outlook 2007.*

³ *Strategy, Economy and Regulations. June 2006.*

⁴ *World Energy Outlook 2007.*

Mức tiêu dùng dầu mỏ giai đoạn 2002-2030

(đơn vị triệu thùng/ngày)



□ 2002 □ 2030

Nguồn: A European Strategy for Sustainable, Competitive and Security Energy. What is at stake – Background Document. COM(2006) 105 final.

Đối với các nước EU-25 mức tiêu dùng năng lượng sẽ tăng 15% vào năm 2030 so với năm 2000 và phải nhập khẩu toàn bộ nhu cầu dầu thô và 80% khí đốt⁵. Mặc dù cầu về năng lượng sẽ được đáp ứng chủ yếu từ hai nguồn quan trọng đó là khí đốt và năng lượng tái sinh, tuy vậy dầu mỏ vẫn là nguồn năng lượng quan trọng trong khoảng 10 đến 15 năm tới và hy vọng tỷ trọng của nó trong tổng cán cân năng lượng sẽ không vượt mức 38% như hiện nay⁶.

Nhìn từ góc độ tiêu dùng của từng quốc gia, Mỹ vẫn là nước tiêu thụ dầu mỏ và khí tự nhiên lớn nhất. Chỉ chiếm 5% dân số thế giới, nhưng nền kinh tế Mỹ tiêu dùng 25% sản lượng dầu mỏ toàn cầu, tương đương 21 triệu thùng ngày⁷. Nếu năm 2002, một người dân Mỹ tiêu thụ 22,8 thùng dầu một năm thì đến năm 2030 con số trên là 23,8 thùng,

tăng 4%, trong khi đó sản xuất trong nước chỉ đáp ứng 38%⁸, nhu cầu. Sự thiếu hụt nói trên được bù đắp thông qua nhập khẩu từ bên ngoài. Năm 2006 Mỹ nhập khẩu từ các nước vùng Vịnh 2,21 triệu thùng, trong đó từ Iraq là 553 nghìn thùng; Ả-rập Xê-út 1,5 triệu thùng; Nigieria 1,1 triệu thùng; Vê-nê-zuê-la 1,4 triệu thùng; Mê-hi-cô 1,7 triệu thùng; Canada 2,3 triệu thùng⁹.

Sự phụ thuộc rất lớn vào nguồn dầu mỏ từ bên ngoài, đặc biệt là từ các nước không thân thiện hoặc không sẵn sàng chia sẻ, nếu không nói là chống lại, chính sách đối ngoại của Mỹ, ví dụ như Iraq, Vê-nê-zuê-la, Nga đã làm cho an ninh năng lượng trở thành một nội dung quan trọng không chỉ trong chính sách đối nội mà còn ảnh hưởng rất lớn tới chính sách đối ngoại của Mỹ. Cuộc chiến tranh Iraq năm 2003, vốn đang là đề tài nóng bỏng trong các cuộc vận động tranh cử Tổng thống giữa các ứng cử viên hai đảng

⁵ *Fuelling Our Future*, European Commission, MEMO, March 2006.

⁶ *A European Strategy for Sustainable, Competitive and Security Energy. What is at stake - Background Document*. COM(2006) 105 final.

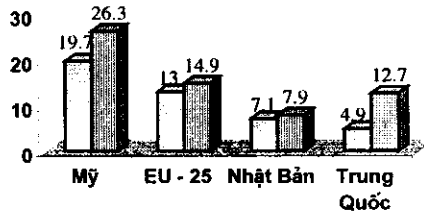
⁷ *Walid Khadduri*. - AI - Hayat 5/11/2006.

⁸ *A European Strategy for Sustainable, Comparative and Secure Energy*. Brussels, xxx.SEC (2006)317/2.

⁹ *Energy Outlook 2007*.

Mức tiêu dùng dầu mỏ giai đoạn 2002-2030

(đơn vị triệu thùng/ngày)



□ 2002 ■ 2030

Nguồn: A European Strategy for Sustainable, Competitive and Security Energy. What is at stake – Background Document. COM(2006) 105 final.

Đối với các nước EU-25 mức tiêu dùng năng lượng sẽ tăng 15% vào năm 2030 so với năm 2000 và phải nhập khẩu toàn bộ nhu cầu dầu thô và 80% khí đốt⁵. Mặc dù cầu về năng lượng sẽ được đáp ứng chủ yếu từ hai nguồn quan trọng đó là khí đốt và năng lượng tái sinh, tuy vậy dầu mỏ vẫn là nguồn năng lượng quan trọng trong khoảng 10 đến 15 năm tới và hy vọng tỷ trọng của nó trong tổng cán cân năng lượng sẽ không vượt mức 38% như hiện nay⁶.

Nhìn từ góc độ tiêu dùng của từng quốc gia, Mỹ vẫn là nước tiêu thụ dầu mỏ và khí tự nhiên lớn nhất. Chỉ chiếm 5% dân số thế giới, nhưng nền kinh tế Mỹ tiêu dùng 25% sản lượng dầu mỏ toàn cầu, tương đương 21 triệu thùng ngày⁷. Nếu năm 2002, một người dân Mỹ tiêu thụ 22,8 thùng dầu một năm thì đến năm 2030 con số trên là 23,8 thùng,

tăng 4%, trong khi đó sản xuất trong nước chỉ đáp ứng 38%⁸, nhu cầu. Sự thiếu hụt nói trên được bù đắp thông qua nhập khẩu từ bên ngoài. Năm 2006 Mỹ nhập khẩu từ các nước vùng Vịnh 2,21 triệu thùng, trong đó từ Iraq là 553 nghìn thùng; Ả-rập Xê-út 1,5 triệu thùng; Nigieria 1,1 triệu thùng; Venêzuêla 1,4 triệu thùng; Mêhicô 1,7 triệu thùng; Canada 2,3 triệu thùng⁹.

Sự phụ thuộc rất lớn vào nguồn dầu mỏ từ bên ngoài, đặc biệt là từ các nước không thân thiện hoặc không sẵn sàng chia sẻ, nếu không nói là chống lại, chính sách đối ngoại của Mỹ, ví dụ như Iraq, Venêzuêla, Nga đã làm cho an ninh năng lượng trở thành một nội dung quan trọng không chỉ trong chính sách đối nội mà còn ảnh hưởng rất lớn tới chính sách đối ngoại của Mỹ. Cuộc chiến tranh Iraq năm 2003, vốn đang là đề tài nóng bỏng trong các cuộc vận động tranh cử Tổng thống giữa các ứng cử viên hai đảng

⁵ *Fuelling Our Future*, European Commission, MEMO, March 2006.

⁶ *A European Strategy for Sustainable, Competitive and Security Energy. What is at stake - Background Document*. COM(2006) 105 final.

⁷ *Walid Khadduri*. - AI - Hayat 5/11/2006.

⁸ *A European Strategy for Sustainable, Comparative and Secure Energy*. Brussels, xxx.SEC (2006)317/2.

⁹ *Energy Outlook 2007*.

Cộng hoà và Dân chủ, cũng không nằm ngoài mục tiêu đảm bảo sự ổn định nguồn cung cấp sản phẩm nói trên.

Nước tiêu dùng dầu mỏ lớn thứ hai là Trung Quốc. Với nền kinh tế phát triển cao, ổn định trong gần 3 thập kỷ vừa qua, cầu đối với dầu mỏ, khi đột tăng đột biến. Nếu mức tiêu dùng của quốc gia đông dân nhất thế giới này năm 1980 mới chỉ dừng ở con số 1,8 triệu thùng dầu/ngày, năm 1990 là 2,3 triệu thùng, năm 2000 là 4,8 triệu thùng, thì năm 2006 là 6,7 triệu thùng/ngày¹⁰. Như vậy trong thời gian 26 năm, từ năm 1980 cho đến 2006 mức tiêu thụ dầu mỏ tăng gấp 3,7 lần. Với tốc độ tăng như trên thì ngay từ năm 2015 Trung Quốc sẽ vượt Mỹ, trở thành nước tiêu thụ dầu thô lớn nhất thế giới.

Nhật Bản, nền kinh tế lớn thứ hai, là quốc gia tiêu thụ năng lượng lớn thứ ba sau Mỹ và Trung Quốc, nhưng thiếu tài nguyên thiên nhiên. Trữ lượng dầu mỏ đã được thăm dò không đáng kể, khoảng 59 triệu thùng. Năm 2006, công nghiệp dầu khí chỉ khai thác được 5.000 thùng so với mức tiêu dùng 5,5 triệu thùng/ngày¹¹. Trong khi đó cầu năng lượng tiếp tục gia tăng ở tất cả các khu vực của nền kinh tế. Với tốc độ tăng GDP như hiện nay, đến năm 2030 nhu cầu đối với dầu mỏ của Nhật Bản sẽ tăng 60%¹² so với năm 2003, trong đó năng lượng có nguồn gốc hoá thạch sẽ chiếm khoảng 95%, năng

lượng tái sinh và năng lượng hạt nhân chỉ chiếm một tỷ trọng rất khiêm tốn 5%¹³.

2. Năng lượng trong quan hệ giữa các quốc gia

Nhu cầu đối với năng lượng của thế giới ngày càng tăng với tốc độ lớn hơn cung đã làm cho quan hệ giữa các quốc gia trở lên phức tạp và căng thẳng, nhiều vấn đề thuần túy năng lượng đã bị chính trị hóa, hoặc ngược lại dùng các vấn đề chính trị để áp đặt ý muốn chủ quan của quốc gia này đối với quốc gia khác về các vấn đề năng lượng.

Trong một thế giới đa dạng và phức tạp, sử dụng năng lượng như một công cụ, đòn bẩy trong quan hệ quốc tế, về bản chất cũng tương tự như các biện pháp trừng phạt, cấm vận kinh tế được các nước phương Tây sử dụng rộng rãi và phổ biến nhằm gây áp lực buộc các nước khác phải thay đổi chính sách của mình mà nạn nhân chủ yếu của chính sách này là các nước đang phát triển, mặc dù họ đã giành được độc lập về chính trị. Ý thức được điều đó, nhiều nước đang phát triển đã cố gắng hạn chế, chống lại sức ép nói trên thông qua việc thực hiện chính sách kiểm soát các nguồn tài nguyên thiên nhiên, trước hết là năng lượng và sử dụng nó như một công cụ đấu tranh cho lợi ích quốc gia. Kết quả của chính sách trên là sự ra đời của Tổ chức Các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) vào đầu những năm 60 và thắng lợi của họ trong cuộc khủng hoảng dầu mỏ

¹⁰ Sdd.

¹¹ Energy Information Administration, 16/12/2005.

¹² The IEA World Energy Outlook 2004.

¹³ A European Strategy for Sustainable, Competitive and Secure Energy. Brussels, xxx.SEC (2006)317/2.

1973-1974 là cơ sở, tiền đề cho sự ra đời của phong trào “đấu tranh vì một trật tự kinh tế thế giới mới” được đưa ra tại diễn đàn Liên hợp quốc vào đầu những năm 1970.

Những năm gần đây, nhu cầu đối với dầu mỏ và khí đốt đã vượt cung làm cho giá cả tăng nhanh đột biến, trước thực tế phải đối mặt với chính sách không thân thiện, thù địch từ phía các nước phương Tây, một số quốc gia sản xuất khí tự nhiên chủ yếu, đã đưa ra ý tưởng thành lập tổ chức quốc tế về khí đốt, tương tự như OPEC (OPEC về khí đốt) với các nước thành viên có thể sẽ là Nga, Angiêri, Cata, Libi, các nước khu vực Trung Á và Iran. Lo ngại về ảnh hưởng khó kiểm soát trong tương lai của tổ chức này và cố gắng để không lặp lại trường hợp OPEC, các nước phương Tây, trước hết là Mỹ và Ba Lan phản ứng hết sức gay gắt. Quốc hội Mỹ đã thông qua một nghị quyết chống lại việc thành lập cơ cấu nói trên. Hành động của Quốc hội Mỹ cho thấy sự cường quyền chính trị của một quốc gia đối với quyền quyết định của nhiều quốc gia khác. Trong khi đó Ba Lan đưa ra đề nghị thành lập một tổ chức “NATO về năng lượng”. Ý tưởng này được các nước thành viên mới của EU, đặc biệt là các nước Ban Tích ủng hộ, tất nhiên chính quyền Mỹ cũng đã không bỏ qua, mà triệt để khai thác và sử dụng nhằm tăng cường ảnh hưởng của họ tại châu Âu. Sự đồng tình của Mỹ đối với đề nghị của Ba Lan có thể tìm thấy trong nội dung bài phát biểu của Thượng Nghị sỹ, Chủ tịch Ủy ban

Đối ngoại Thượng viện Mỹ Dick Lugar tại hội thảo quốc tế về An ninh năng lượng diễn ra trước thêm Hội nghị thượng đỉnh NATO, cuối tháng 11/2006 ở Riga. Tại đây ông Lugar kêu gọi biến NATO thành một “Liên minh của những nước tiêu dùng năng lượng” nhằm làm đối trọng với Nga, vì theo ông nước này (Nga) trong những năm tới sẽ thường xuyên “sử dụng các biện pháp đe dọa về năng lượng”. Cũng theo ông Lugar, “trong 10 năm tới nguồn gốc của các cuộc xung đột có thể xảy ra tại châu Âu và khu vực phụ cận chính là sự thiếu hụt nguồn năng lượng. Khủng hoảng khí đốt đầu năm 2006 tại Ucraina cho thấy Nga đang ngầm sử dụng năng lượng nhằm đạt được mục đích chính trị và do vậy NATO cần thiết phải xác định bước đi cần thiết nếu như Ba Lan, Đức, Hungari, Latvia hoặc các nước thành viên khác bị đe dọa”¹⁴. Xét nội dung tuyên bố trên, có thể biết quốc gia nào sẽ là đối thủ, là kẻ thù của NATO.

Cuộc khủng hoảng khí đốt đầu năm 2006 giữa Nga với Ucraina và ảnh hưởng trực tiếp đến Liên minh Châu Âu là một trường hợp rất điển hình, bộc lộ toàn bộ ý đồ của các quốc gia liên quan. Ở đây sự bình đẳng, tính công bằng, nguyên tắc cùng có lợi vốn được phương Tây sử dụng như một công cụ, đòn bẩy trong quan hệ quốc tế đã bị đẩy xuống hàng thứ yếu, nhường chỗ cho lợi ích

¹⁴ *Senator Lugar's keynote speech to the German Marshall Fund conference on Monday, November 27, 2006 in Riga, Latvia, in advance of the NATO Summit.*

quốc gia, nói theo một cách khác, vì lợi ích quốc gia các nước này sẵn sàng bỏ qua những nguyên tắc mà chính họ vẫn cho là tối thượng - nguyên tắc của nền kinh tế thị trường. Chính sách hai mặt của phương Tây được thể hiện ở chỗ, bất chấp một thực tế là năm 2005 chính Mỹ đã công nhận Ucraina là nền kinh tế thị trường, trong khi đó họ lại ủng hộ mạnh mẽ đối với Ucraina (tất nhiên không phải là Belarus) trong cuộc khủng hoảng khí đốt nói trên để quốc gia này được mua khí đốt với giá ưu đãi 50 USD/1.000 m³, thấp hơn nhiều so với giá 230 - 260 USD/1.000 m³ trên thị trường châu Âu. Với mức chênh lệch giá nói trên hàng năm Nga đã làm lợi cho Ucraina gần 5 tỷ USD¹⁵. Trên thực tế, có thể khẳng định một cách chắc chắn rằng Mỹ, EU sẽ không bán khí đốt với giá tương tự nếu họ ở vào vị trí của nước Nga. Một nghịch lý khác đó là họ ủng hộ Ucraina nhưng lại giữ im lặng đối với Belarus - quốc gia cũng trong hoàn cảnh tương tự. Rõ ràng, vấn đề cùng bản chất, nhưng quan điểm và cách tiếp cận của các nước phương Tây hoàn toàn khác nhau. Nếu tạm thời gạt bỏ sang bên yếu tố chính trị, tính khách quan (nếu có) trong chính sách của Mỹ và EU về cuộc khủng hoảng khí đốt nói trên mà chỉ xét trên bình diện của quy luật nền kinh tế thị trường, không một quốc gia nào chấp nhận buôn bán khí tự nhiên với mức giá nói trên. Sự thật của vấn đề là ở chỗ

chính quyền tại Ucraina được sinh ra từ cuộc cách mạng Cam dưới sự hỗ trợ, ủng hộ mạnh mẽ của phương Tây, hơn nữa quốc gia gần 50 triệu dân này, theo quan điểm của Mỹ, EU, cần phải ra khỏi quỹ đạo ảnh hưởng của Nga, và nếu như sớm gia nhập NATO thì đây sẽ là một thắng lợi của họ. Trong trường hợp điều đó xảy ra, biên giới của khối quân sự Bắc Đại Tây Dương sẽ tiến đến sát miền Nam nước Nga, khả năng vận chuyển khí đốt của Nga qua Ucraina khi đó hoàn toàn phụ thuộc vào NATO. Chính sách hai mặt đó, về thực chất, nhằm mục đích khoét sâu mâu thuẫn giữa Ucraina và Nga, phục vụ cho lợi ích mang tính chiến lược lâu dài của NATO.

3. Vị trí địa - chính trị và lợi ích kinh tế

Thực tế cho thấy quan hệ giữa Nga với một số quốc gia như Ba Lan, Estônia, Latvia và Litva phức tạp hơn nhiều so với những lo ngại của EU về dự án xây dựng tuyến đường ống dẫn khí đốt "Dòng chảy Phương Bắc" qua biển Ban Tích. Đối với bốn quốc gia có vị trí trung chuyển nói trên, xây dựng tuyến đường ống này đồng nghĩa với những thiệt hại về kinh tế, trước hết là mất đi khoản thu cước phí quá cảnh khí đốt sang châu Âu; về chính trị họ cũng mất đi vai trò của một quốc gia trung chuyển khí đốt sang các nước láng giềng ở phía Tây. Trước những thiệt hại nói trên, cựu Bộ trưởng Quốc Phòng Ba Lan kêu gọi Đức hủy bỏ dự án xây dựng tuyến đường ống "Dòng chảy Phương Bắc", trong

¹⁵ Trả lời phỏng vấn báo chí Nga của Putin ngày 01 tháng 2 năm 2006. Báo Tin tức, 2/2/2006.

khi đó Estônia tìm mọi cách cản trở quá trình thực hiện dự án này với nhiều lý do và biện pháp khác nhau. Tuy nhiên tính thống nhất, đồng thuận của EU trong nhiều trường hợp không thể quyết định lợi ích của từng quốc gia đơn lẻ.

Sự khác biệt quan điểm giữa EU với Nga về nội dung “Hiến chương Năng lượng”, mâu thuẫn Nga - Ba Lan xung quanh vấn đề nhập khẩu thịt, sự xấu đi trong quan hệ Nga với các nước Ban Tích là những nguyên nhân chính cản trở hai bên ký kết Hiệp định khung mới thay thế cho Hiệp định về Đối tác chiến lược hết hiệu lực vào tháng 12/2007, nhưng nó cũng không thể cản trở việc thực hiện dự án “Dòng chảy Phương Bắc” và hạn chế vốn đầu tư khai thác dầu khí tại Nga của các công ty xuyên quốc gia thuộc các nước thành viên EU. Mặc dù là một liên minh, một thị trường nhưng cho đến nay EU chưa có được một chính sách năng lượng thống nhất, ngay cả trong lĩnh vực cung cấp khí đốt, và do vậy, từng quốc gia thành viên đơn lẻ vẫn duy trì, thúc đẩy và tăng cường hợp tác với Nga trong lĩnh vực năng lượng. Đây là một thực tế được lý giải bởi những nguyên nhân sau: *Thứ nhất*, mức độ phụ thuộc của các nước thành viên EU vào nguồn dầu mỏ, khí đốt của Nga hoàn toàn khác nhau; *Thứ hai*, là ngay cả trong những giai đoạn phức tạp nhất của thế giới thời kỳ chiến tranh lạnh, xuất khẩu khí đốt của Nga chưa khi nào bị gián đoạn và cũng chưa một lần được sử dụng làm vũ khí để

gây áp lực với các nước nhập khẩu; và *Cuối cùng* là từ sau cuộc khủng hoảng năng lượng năm 1973-1974, các nước trong Liên minh đã có những chính sách riêng nhằm đa dạng hóa nguồn cung cấp năng lượng.

Thực tế hiện nay, chỉ những nước thành viên mới, trước hết là Ba Lan, ba nước Estônia, Latvia và Litva lo lắng về nguồn cung cấp khí đốt của Nga, đặc biệt khi mà Gazprom đang tích cực mở rộng hoạt động kinh doanh tại Đức, Áo và Hy Lạp. Hiện tại Nga cung cấp 73% nhu cầu tiêu dùng khí đốt cho Áo, 77% - Hungari và 87% - Hy Lạp¹⁶. Sự lo ngại của họ là có cơ sở, bởi vì quan hệ chính trị với Nga đã không còn nồng ấm sau một loạt các vấn đề liên quan đến lịch sử, nhất là thời gian trước, trong và sau Chiến tranh thế giới lần thứ Hai. Hơn nữa, chính các nước này đã không biết tận dụng, hoặc tự đánh giá quá cao vị trí địa lý vốn có trong việc khai thác, vận chuyển khí đốt để rồi dẫn đến những sai lầm trong quan hệ với Moscow. Họ cho rằng, nếu xảy ra sự gián đoạn trong việc cung cấp khí đốt cho các nước EU vào một thời điểm rất nhạy cảm là mùa đông, sẽ làm xấu đi quan hệ giữa Nga với các nước thành viên EU khác. Đây là một sự tính toán thiếu khôn ngoan, vội vàng, không có tính chiến lược. Nên kinh tế phát triển với tốc độ cao, sự ổn định về chính trị dưới quyền lãnh đạo của ông Putin và đặc biệt khi giá dầu mỏ tăng liên

¹⁶ Elena Anankina. *Journal Ekanomika Rossi: XXI Century*, N022.

tục đã cho phép Nga thực hiện những dự án tốn kém nhưng an toàn và hiệu quả, đó là xây dựng các tuyến đường ống qua Biển Đen, biển Ban Tích cung cấp trực tiếp cho thị trường tiêu dùng châu Âu. Mặt khác, các quốc gia nói trên đã đánh giá quá cao vai trò của họ trong Liên minh mà không ý thức được rằng, các quốc gia thành viên khác của EU sẵn sàng qua mặt họ để hợp tác với Nga vì lợi ích quốc gia. Thực tế đã chứng minh đó là sự thật. Sau chuyến thăm Paris của ông Putin, hãng dầu khí Total của Pháp đã ký hợp đồng khai thác mỏ khí đốt Stocmanov tại vùng biển Baren với giá trị lên tới 16 tỷ USD. Thương vụ này chỉ là một trong nhiều các hợp đồng kinh doanh khác do các công ty của EU đang thực hiện.

Dự án xây dựng tuyến đường ống “Dòng chảy Phương Bắc” qua biển Ban Tích cần thiết không chỉ đối với nước Nga mà đối với cả thị trường tiêu thụ, mặc dù chi phí lên tới hơn 10 tỷ USD¹⁷, cao gấp 3 lần so với xây dựng trên đất liền, qua Litva và Ba Lan. Tuy nhiên dự án nói trên không phải nhằm mục đích “thao túng” thị trường năng lượng EU như kết luận của tác giả Zeyno Baran¹⁸, Giám đốc Trung tâm Chính sách Âu - Á thuộc Viện Nghiên cứu Hudson, Mỹ, bởi vì không chỉ Gasprom của Nga mà cả các công ty của Đức, Hà Lan cùng sở hữu và khai

thác, do vậy khả năng “thao túng” là không có cơ sở. Tuyến đường ống nói trên, thực chất, về kinh tế, là bảo đảm cung cấp khí đốt một cách ổn định cho thị trường châu Âu với giá cạnh tranh hơn khi không phải quá cảnh nước thứ ba, về chính trị, cả thị trường tiêu thụ EU cũng như Nga sẽ không bị các nước quá cảnh sử dụng vị trí trung chuyển để mặc cả trong các quan hệ song phương, mà khủng hoảng khí đốt năm 2006 tại Ucraina là một thực tế sống động.

Do vậy, trong khi một số nước thành viên mới của EU phản ứng gay gắt về dự án xây dựng tuyến đường ống dẫn khí “Dòng chảy Phương Bắc” thì các nước thành viên khác của EU như Đức, Italia, Pháp - thị trường tiêu dùng lớn khí đốt của Nga, phản ứng rất thận trọng, cân nhắc để không làm cho nội bộ EU thêm phức tạp, đồng thời cũng không muốn bị thua thiệt trong quá trình hợp tác về năng lượng với Nga. Italia hy vọng vào việc mở rộng mạng lưới khí đốt “Dòng chảy Xanh” của Nga qua Biển Đen đến Thổ Nhĩ Kỳ, còn Pháp và Đức, Hà Lan tích cực xúc tiến xây dựng tuyến đường ống “Dòng chảy Phương Bắc”. Sự hợp tác của các nước lớn là thành viên EU trong lĩnh vực dầu khí càng làm cho sự chống đối việc xây dựng tuyến đường ống nói trên của Ba Lan, Estônia, Latvia, Litva trở nên bị cô lập.

4. Dầu mỏ, khí đốt với lợi ích quốc gia và sự tập hợp lực lượng

Vì lợi quốc gia, có thể một hoặc một số quốc gia sẵn sàng bỏ qua lợi ích chung, lợi

¹⁷ Robert L. Larson “Nord Stream, Sweden, and Baltic Security”, FOI-R-2252-SE, March, 2007.

¹⁸ Zeyno Baran. *EU Energy Security: Time to End Russian Leverage*. Washington Quarterly, Autumn, 2007.

ích tập thể mà sự chia rẽ giữa các nước EU xung quanh vấn đề năng lượng với Nga là một thực tế không thể phủ nhận. Khác với Mỹ, sự phụ thuộc của các nước EU vào nguồn năng lượng đã buộc họ phải cân nhắc, hạn chế sử dụng các công cụ quen thuộc như vấn đề dân chủ, nhân quyền trong quan hệ với Nga cũng như các nước cộng hoà thuộc Liên Xô cũ tại khu vực Trung Á. Thiếu vắng sự đoàn kết của các nước thành viên EU, ở một mức độ nào đó, đã cho phép Nga giành được những ưu thế về chính trị và kinh tế và thực hiện chính sách “chia để trị” theo như kết luận của tác giả Zeyno Baran¹⁹. Zeyno Baran đưa ra nhận xét nói trên hoàn toàn mới chỉ xuất phát từ cách nhìn phiến diện và đánh giá thiếu khách quan đối với Nga, vì trong quá trình phân tích, tác giả chưa tính đến nhu cầu đối với năng lượng của từng quốc gia thành viên đơn lẻ, mà EU thì không có khả năng đáp ứng các nhu cầu đó, trong khi thị trường thế giới vận hành theo nguyên tắc có cầu tất nhiên sẽ có cung trên cơ sở cùng có lợi. Do vậy, cơ sở để khẳng định chính sách “chia để trị” trong lĩnh vực năng lượng giữa Nga và EU không có sức thuyết phục. Trong trường hợp này, lợi ích quốc gia là động lực chi phối. Vì thế hoàn toàn có thể hiểu được tại sao các nước thành viên EU khác giữ im lặng trước lời kêu gọi của Tổng thống Litva, ông Valdas Adamkuch, đề nghị Liên minh lên tiếng can thiệp khi Nga ngừng

cung cấp dầu thô cho các cơ sở lọc, chế biến dầu trên đất nước ông năm 2003.

Với Trung Quốc, ngay từ năm 1993, dầu mỏ và khí đốt khai thác trong nước đã không đáp ứng nhu cầu ngày càng lớn của nền kinh tế đang phát triển với tốc độ cao đòi hỏi họ phải đa dạng hóa nguồn năng lượng. Sự mở rộng nguồn cung cấp đã vươn tới không chỉ các nước vùng Vịnh mà cả châu Phi, Mỹ Latinh. Các doanh nghiệp Trung Quốc đã đầu tư khai thác dầu mỏ tại Nigêria, Angôla, Xudăng, Êtiôpia, nơi mà nhiều các công ty năng lượng khác không dám mạo hiểm do những bất ổn về chính trị. Hơn nữa đầu tư vào các nước này, ví dụ vào Xudăng, nơi mà cộng đồng quốc tế đang lên án chính quyền sở tại về giải pháp cho cuộc khủng hoảng ở Đaphua, còn là sự chấp nhận phải trả giá về uy tín, hình ảnh và chính sách ngoại giao trong đời sống chính trị quốc tế. Công ty dầu mỏ Quốc gia Trung Quốc đã ký kết hợp đồng với các nước vốn đang có những va chạm và xung đột về ngoại giao với Mỹ, như Vênezuela, Iran, Xudăng với mục đích tiếp cận, khai thác nguồn dầu thô, ở một mức độ nào đó, cũng là những rủi ro về chính trị.

Thời gian gần đây khi thị trường dầu mỏ biến động, Trung Quốc được xác định là một trong những nguyên nhân chính của sự tăng giá dầu trên thế giới và là thành viên của “Trục dầu mỏ”, thách thức sự tìm kiếm

¹⁹ Sách dd.

an ninh năng lượng của Mỹ²⁰. Để có thể khẳng định tính xác thực của kết luận nêu trên, cần phải phân tích một cách tổng thể từ nhiều góc độ khác nhau, nhưng chỉ riêng quyết định của Công ty Dầu mỏ Hải ngoại Trung Quốc (CNOOC) bỏ ra hàng chục tỷ USD mua lại Công ty Dầu khí Unocal, buộc Quốc hội nước này phải can thiệp để hủy bỏ thương vụ nói trên, cho thấy Trung Quốc luôn sẵn sàng và có khả năng hiện diện tại bất cứ nơi nào có dầu mỏ và khí đốt.

Không chỉ có vậy, Trung Quốc đang tăng cường khai thác và sử dụng nguồn năng lượng của Nga. Đây là một thị trường cung cấp dầu mỏ và khí đốt chắc chắn, lâu dài, trong khi tình hình khu vực Trung Đông rất không ổn định. Dù là không công khai, nhưng trên thực tế đã có những cạnh tranh giữa Trung Quốc và Nhật Bản đối với nguồn cung ứng dầu mỏ của Nga. Trung Quốc muốn Nga xây dựng tuyến đường ống nối dài từ Angarask (Siberi) đến khu vực Đại Khánh, còn Nhật Bản muốn tuyến đường ống trên đưa dầu mỏ đến Nakhótca vùng Viễn Đông của Nga để sau đó vận chuyển bằng tàu sang Nhật Bản. Sự khác biệt ở đây trước hết về kinh tế. Tuyến đường ống Angarask - Đại Khánh chỉ dài 2.400 km và Trung Quốc sẵn sàng cung cấp tín dụng, trong khi đó tuyến đường ống đi Nakhótca là 3.700 km, chưa kể sau đó cần phải vận

chuyển bằng tàu chở dầu qua biển đến Nhật Bản. Đây là một trong những khác biệt về chi phí mà Nga phải tính đến khi quyết định lựa chọn xây dựng các tuyến đường ống nói trên. Ngoài ra còn có những yếu tố khác, ví dụ vấn đề tranh chấp lãnh thổ xung quanh 4 hòn đảo tại quần đảo Kuril, trong quan hệ với Nhật Bản, và sự “gia tăng dân số”²¹ mà chủ yếu là người nhập cư Trung Quốc tại khu vực Viễn Đông sẽ ảnh hưởng đến quyết định xây hoặc không xây dựng đường ống dẫn dầu đến Trung Quốc hoặc Nhật Bản là chưa đủ cơ sở để khẳng định. Bởi vì cho đến nay, hàng năm thông qua hệ thống đường sắt, Nga xuất khẩu sang Trung Quốc gần 20 triệu tấn dầu thô với giá ưu đãi. Trong cuộc gặp cấp cao Putin - Hồ Cẩm Đào tại Moscow năm 2007, hai bên thoả thuận sẽ tăng khối lượng xuất khẩu dầu mỏ sang thị trường Trung Quốc lên mức 30 triệu tấn trong thời gian 5 năm tới. Với Nhật Bản, dự án xây dựng tuyến đường ống nói trên được thực hiện sẽ giúp đất nước “mặt trời mọc” giảm ít nhất là 15%²² lượng nhập khẩu dầu thô từ khu vực Trung Đông.

Liên quan đến sự tập hợp lực lượng, ngoài OPEC đang giữ một vai trò hết sức quan trọng đối với cung cầu dầu mỏ trên thị trường thế giới, ý tưởng thành lập “OPEC dầu khí” dù mới chỉ là sự khởi đầu, chưa thành hiện thực, nhưng nó cho thấy các quốc

²⁰ Flynt Leverett and Pierre Noel, “The New Axis of Oil,” *National Interest*, no. 84 (Summer 2006), trang 62-70.

²¹ Richard Giragosian, *Energy Security*. Institute for the Analysis of Global Security, 19 January 2006.

²² nt.

gia sẵn sàng tập hợp với nhau vì lợi ích chung. Tương tự như vậy, ở bên kia bán cầu, tại khu vực Nam Mỹ, sự trở lại chính trường của lực lượng cánh tả những năm đầu thế kỷ XXI đã làm cho tình hình chính trị nơi đây - sản sau của Mỹ, thay đổi một cách nhanh chóng. Chính sách của chính phủ các nước Vênêzuêla, Braxin, Chilê, Achentina, Bôlôvia, Nicaragoa có nhiều điểm tương đồng trong chính sách kinh tế và điều hành đất nước, đặc biệt trong lĩnh vực kinh tế. Chính tại khu vực Nam Mỹ giàu tài nguyên thiên nhiên này, yếu tố năng lượng đã được một số quốc gia nói trên khai thác, sử dụng triệt để nhằm hạn chế sự áp đặt, sức ép từ bên ngoài. Sau khi nắm chính quyền, Tổng thống Vênêzuêla Chavez đã tiến hành quốc hữu hoá các cơ sở sản xuất, khai thác, chế biến và xuất khẩu dầu mỏ; Tổng thống Bôlôvia Evo Morales tiến hành quốc hữu hoá ngành công nghiệp khí đốt nhằm phục vụ cho lợi ích của đa số người lao động trong xã hội, đầu tư cho giáo dục, y tế... Nhưng yếu tố năng lượng không chỉ giới hạn ảnh hưởng trong chính sách đối nội, mà còn được sử dụng trong chính sách đối ngoại của các nước nói trên. Vênêzuêla tiếp tục bán dầu thô với giá ưu đãi cho các nước gặp khó khăn trong khu vực như Cu Ba, Nicaragoa, Ecuado, và cả một số bang của Mỹ trong các đợt giá lạnh vào mùa đông nhiều năm qua. Thông qua vấn đề năng lượng, Vênêzuêla đẩy mạnh hợp tác với Belarus, Iran, Libi, các nước mà Mỹ luôn thực hiện chính sách thù

địch. Nguồn thu từ dầu mỏ sau khi quốc hữu hoá đã cho phép Vênêzuêla cùng các nước khác thành lập Ngân hàng Phương Nam nhằm chống lại sức ép của các định chế tài chính quốc tế do Mỹ và các nước phương Tây kiểm soát. Đối mặt với sự thù địch của Mỹ, ông Chavez không chỉ một lần tuyên bố sẵn sàng ngừng xuất khẩu dầu mỏ sang Mỹ nếu như chính quyền nước này “can thiệp vào công việc nội bộ” của Vênêzuêla. Tuy vậy cho đến nay Mỹ là thị trường tiêu thụ 60% lượng dầu thô và sản phẩm dầu xuất khẩu của Vênêzuêla, trong khi đó Vênêzuêla đáp ứng 11% nhu cầu tiêu dùng năng lượng của Mỹ²³, và một hệ thống các cơ sở chế biến dầu là chi nhánh của công ty dầu mỏ PDVSA, Vênêzuêla, đang hoạt động tại thị trường của nền kinh tế lớn nhất thế giới này. Những con số trên cho thấy sự phụ thuộc lẫn nhau rất sâu sắc giữa hai quốc gia, do vậy mặc dù cả hai phía đều đã đưa ra những tuyên bố cứng rắn, song chưa từng xảy ra sự gián đoạn về cung ứng dầu mỏ. Nhưng dù mối quan hệ song phương nói trên diễn ra như thế nào đi chăng nữa thì điều đáng quan tâm ở đây là ý nghĩa và tầm quan trọng của yếu tố năng lượng trong quan hệ quốc tế vì nó đã được sử dụng một cách hiệu quả vừa để tập hợp lực lượng, vừa để ngăn chặn và chống lại sức ép, sự đe dọa từ bên ngoài.

²³ Verrastro & Ladislaw. *Providing Energy Security in an Interdependent World*. The Washington Quarterly. Autumn 2007, tr. 100.

5. Cạnh tranh trong lĩnh vực vận chuyển nguồn dầu mỏ và khí đốt

Một quốc gia dù không có dầu mỏ, khí đốt nhưng nếu giành được quyền sở hữu hệ thống chuyển tải năng lượng thì điều đó đồng nghĩa với giành được ưu thế trên thị trường năng lượng. Do vậy, trong lĩnh vực vận chuyển khí đốt, Nga vẫn là đối tượng cần phải được khống chế và kiểm soát. Xây dựng và kiểm soát được hệ thống đường ống vận chuyển dầu khí bỏ qua lãnh thổ Nga, theo quan điểm của Mỹ và EU, sẽ là cơ sở vững chắc để không cho nước Nga có thể sử dụng năng lượng như một đòn bẩy trong quan hệ song và đa phương, do vậy ngay từ cuối những năm 90 của thế kỷ XX, Mỹ và EU đã đưa ra một kế hoạch xây dựng hệ thống đường ống xuyên biển Caspi nối khu vực Trung Á nhiều dầu mỏ, khí đốt với tuyến Bacu (Azerbaijan) - Tbilisi (Gruzia) - Ceyhan (Thổ Nhĩ Kỳ) ra Địa Trung Hải và châu Âu không qua nước Nga. Hiểu và nắm bắt được ý đồ của các nước phương Tây, Moscow đã đi trước một bước bằng việc xây dựng tuyến đường ống "Dòng chảy Xanh" dài 1.276 km, trong đó đoạn chạy trên đất Nga dài 373 km, qua Biển Đen là 395 km, phần còn lại thuộc lãnh thổ của Thổ Nhĩ Kỳ. Công suất chuyển tải giai đoạn đầu là 16 tỷ m³, dự kiến đến 2025 sẽ là 311 tỷ m³²⁴. Tuyến đường ống được đưa vào sử dụng năm 2002. Không chấp nhận sự thất bại, Mỹ, EU

tiếp tục lên kế hoạch xây dựng hai tuyến đường ống dẫn khí: tuyến thứ nhất từ Thổ Nhĩ Kỳ sang Hy Lạp và Italia (TGI), tuyến thứ hai từ Thổ Nhĩ Kỳ qua Bungari, Rumani, Hunggari đến Áo (với tên gọi Nabucco). Việc xây dựng hai tuyến đường ống nói trên nhằm mục đích đa dạng hoá nguồn cung cấp năng lượng, giảm phụ thuộc vào Nga. Tuy vậy, trong khi các nước EU còn đang thảo luận để phối hợp chính sách thì tháng 3/2007, ông Putin đã đạt được thoả thuận cùng với Bungari và Hy Lạp xây dựng tuyến đường ống dẫn khí Burgaz - Alexandroupolis, đồng thời thoả thuận với Italia sẽ cùng xây dựng tuyến đường ống "Dòng chảy Phương Nam" với quy mô, công suất lớn để chuyển khí đốt từ Nga qua một loạt các nước châu Âu đến Italia. Các thoả thuận trên của Nga đã làm tiêu tan kế hoạch xây dựng tuyến đường ống TGI và Nabucco của EU và Mỹ. Không chỉ dừng lại ở đây, để chắc chắn hơn, giữa tháng 12/2007 Nga đã ký kết hiệp định với Tuốcmenixtan, Kadăcxtan xây dựng tuyến đường ống vận chuyển khí đốt của khu vực Trung Á qua lãnh thổ Nga. Thiếu nguồn khí đốt của Trung Á, không chỉ hai tuyến đường TGI và Nabucco mà ngay cả các tuyến đường ống khác cũng không còn ý nghĩa do không đủ nguồn cung ứng năng lượng.

Thực tế nhu cầu đối với năng lượng ngày càng cao đã làm cho vai trò của quốc gia trung chuyển khí đốt có ý nghĩa rất quan trọng, trước hết không chỉ là nguồn ngoại tệ

²⁴ *Gazprom: Con đường trở thành Tập đoàn năng lượng thế giới*. 2006.

to lớn thu được từ cước phí vận chuyển và bảo đảm nguồn năng lượng cho nền kinh tế quốc gia đó, mà còn là vị trí, vai trò của họ trong quan hệ quốc tế. Các nước Ban Tích, Ucraina, Belarus, Ba Lan, Gruzia là những nước thường xuyên sử dụng vị trí chuyển tiếp dầu mỏ, khí đốt từ Nga sang Tây Âu như một công cụ nhằm gây sức ép với Moscow trong đàm phán, thảo luận song phương và đa phương về các vấn đề kinh tế, chính trị. Trong nhiều trường hợp những mâu thuẫn, tranh chấp giữa các nước nêu trên với Nga còn nhận được sự ủng hộ nhiệt tình từ nhiều nước phương Tây và đối với một số quốc gia, mâu thuẫn, tranh chấp ấy được xem như là nhân tố có thể thúc đẩy quá trình gia nhập EU, NATO mà chính quyền vốn được dựng lên từ các cuộc cách mạng màu ở Ucraina, Gruzia trông đợi. Nhưng tính toán sai lầm về vai trò của vị trí trung chuyển đã dẫn đến khủng hoảng khí đốt ở Ucraina đầu năm 2006 và không chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế, chính trị và xã hội của chính quốc gia này mà còn làm xấu đi quan hệ với Nga và giữa Nga với các nước thành viên EU. Đây không phải là trường hợp duy nhất. Chính sách của Ba Lan dưới sự lãnh đạo của cựu thủ tướng Kachinski, và của ba nước Estônia, Latvia, Litva trong quan hệ với Nga đã làm thiệt hại cho chính nền kinh tế của họ. Năm 2003 Nga ngừng chuyển dầu thô đến cơ sở lọc hoá dầu Ventspils của Latvia, năm 2006 ngừng cung cấp dầu mỏ cho nhà máy lọc dầu Mazeikiu lớn nhất tại Litva và vùng Ban Tích, đồng

thời triển khai xây dựng các tuyến đường ống mới bỏ qua bốn quốc gia trung chuyển nói trên. Nếu có thể gọi là thành công thì đó là trường hợp của Gruzia. Quốc gia gần 5 triệu dân đang tận dụng một cách tối đa vị trí địa lý của mình để giành được vai trò chuyển tải nguồn dầu mỏ khí đốt từ khu vực biển Caspi. Đất nước nhỏ bé này ở mức độ nào đó đã thực hiện thành công chính sách trên thông qua việc tham gia xây dựng đường ống dẫn dầu Bacu - Tbilixi - Ceyhan. Tuy vậy vai trò của Gruzia ngày càng bị lấn át bởi nhiều quốc gia khác. Hiệp định ba bên Bungari - Nga - Hy Lạp về xây dựng tuyến đường ống dẫn dầu Burgaz - Alexandroupolis với công suất 35 triệu tấn/năm và dự án xuyên Bancăng từ nhà máy lọc dầu Burgaz đến Vlyer (Anbani) nhằm cung cấp cho các nước Bungari, Anbani, Makedonia và các nước khác trong khu vực Bancăng. Bungari đang trở nên tích cực và mong muốn giành vai trò chủ động trong hoạt động chuyển tải nguồn năng lượng. Rumani cũng không muốn bị gạt ra ngoài cuộc chơi. Họ đang tích cực xúc tiến dự án xây dựng tuyến đường ống Constanes (Rumani) - Panchevo (Secbi) - Omishan (Croatia). Ngoài ra Rumani rất quan tâm đến tuyến đường ống Constanes - Triest (Italia) sẽ được khởi công xây dựng vào năm 2009. Hiển nhiên Rumani cũng không muốn bỏ lỡ cơ hội mang lại lợi ích kép, vừa đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế về năng lượng, nguồn thu ngoại tệ từ cước phí quá cảnh, vừa nâng cao vị thế của họ đối với các nước tiêu dùng

cũng như xuất khẩu. Tuy vậy, điểm mấu chốt vẫn là nguồn dầu mỏ và khí đốt xung quanh khu vực Biển Caspi trong đó bao gồm cả Iran và Trung Á.

Thực tế cho thấy, nếu chỉ trông chờ vào nguồn dầu mỏ của Adecbaidan, quốc gia có chính sách tương đối cân bằng giữa Nga và phương Tây thì không thể đủ dầu mỏ cho các tuyến đường ống nói trên. Hiện tại Adecbaidan chỉ khai thác được 30 triệu tấn/năm trong đó xuất khẩu 22 triệu tấn và ngay cả đến năm 2010 sản lượng khai thác của quốc gia này cũng không thể vượt quá 45 triệu tấn²⁵. Như vậy nguồn dầu thô cho tuyến đường ống Bacu - Tbilixi - Ceyhan còn chưa đủ, nói gì đến các tuyến đường ống khác, do đó phải khai thác được dầu mỏ, khí đốt của Kadácxtan, các nước khác tại Trung Á và vùng ven biển Caspi. Nhưng Gazprom của Nga, thông qua các hợp đồng khai thác dài hạn tới 30 năm, đã kiểm soát gần như toàn bộ nguồn dầu mỏ, khí đốt vùng Trung Á, hơn nữa các công ty dầu mỏ của Bắc Kinh cũng đang tích cực đẩy mạnh hoạt động khai thác, xây dựng tuyến đường ống vận chuyển tại khu vực sau khi ký kết Hiệp định khung về xây dựng tuyến đường ống dẫn khí từ Tuoctmenixtan đến Trung Quốc, trong khi đó chính các nước Trung Á đang sử dụng triệt để con bài năng lượng để mặc cả với Nga, Trung Quốc, châu Âu và Mỹ. Còn Iran - quốc gia có trữ lượng khí đốt lớn thứ hai trên thế giới có quan hệ căng thẳng với các nước

phương Tây xung quanh một số vấn đề hết sức tế nhị bao gồm cả chương trình hạt nhân, do vậy ít nhất trong khoảng thời gian 5 năm tới, khả năng khai thác dầu mỏ, khí đốt của Iran cho tuyến đường ống Bacu - Tbilixi - Ceyhan, hoặc các tuyến khác qua Thổ Nhĩ Kỳ đến châu Âu là không khả thi.

6. Kết luận

Mong muốn giảm sự phụ thuộc vào nguồn dầu mỏ, khí đốt từ bên ngoài, một số nước công nghiệp phát triển có khả năng về công nghệ, tài chính đang cố gắng tìm các nguồn năng lượng thay thế thông qua việc tăng cường sản xuất, sử dụng năng lượng tái sinh, năng lượng hạt nhân, năng lượng sinh học, đẩy mạnh quá trình nghiên cứu, sản xuất ô tô hybrid, thông qua chương trình sử dụng tiết kiệm xăng dầu. Tuy nhiên với tốc độ phát triển kinh tế như hiện nay, trong nhiều thập kỷ tới, dầu mỏ, khí đốt vẫn sẽ chiếm một tỷ trọng lớn trong cơ cấu tiêu dùng năng lượng của thế giới, vì trên thực tế chỉ một số rất ít trong hơn 190 quốc gia có khả năng tự đáp ứng nhu cầu về năng lượng và tìm kiếm nguồn thay thế.

Do vậy, quan hệ quốc tế tiếp tục chịu sự tác động, chi phối của dầu mỏ và khí đốt và sẽ ngày càng phức tạp khi giá dầu tiếp tục tăng trong thời gian tới. Chỉ có sự hợp tác dựa trên nguyên tắc các bên cùng có lợi, xây dựng lòng tin, không có sự áp đặt mới giúp giải quyết được sự mất cân đối giữa cung cầu năng lượng, qua đó đảm bảo sự phát triển bền vững cho tất cả các quốc gia./.

²⁵ Sergei Djinschov. *Vòng cung Biển Caspi và Biển Đen*. Tạp chí Thông tin Biển Đen, 11/9/2007.